

Số: 59/ /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH
về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước
xã Định Biên năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỊNH BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 7186/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Định Hóa về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022 huyện Định Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 32 /NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của HĐND xã về phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước xã Định Biên năm 2021;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 19 ngày 28/7/2022 của HĐND xã Định Biên về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước xã Định Biên năm 2021

Xét đề nghị của Ban Tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước xã Định Biên năm 2021.

(Theo các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

- No n l ? n*
- UBND huyện;
 - Phòng Tài chính - Kế hoạch;
 - TT Đảng ủy;
 - TT HĐND xã;
 - Chủ tịch và P.Chủ tịch UBND xã;
 - Các ban ngành thuộc xã;
 - Các trưởng thôn trong xã;
 - Lưu VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHU TỊCH



**UBND XÃ ĐỊNH BIÊN
CÃ**

**Biểu số 116/CK TC-NSNN
OÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(yêu cầu Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
Đơn vị: đồng**

NỘI DUNG		NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	23.431	TỔNG SỐ CHI	6.567.507.009
I. Các khoản thu xà hưởng 100%	561.620.700	I. Chi đầu tư phát triển	715.440.110
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	17.764.586	11. Chi thường xuyên	5.852.066.899
III. Thu bổ sung	6.019.337.860	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung cân đối	4.191.100.000		
- Bổ sung có mục tiêu	1.828.237.860		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	184.168.685	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
Vi. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	9.931.600		
Kết dư ngân sách	225.316.422		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	k 2- <0		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		..	ỷ/ệu NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B		2	3	4	5-3/7	6=4/2
	TỔNG THU	5.987.500.000	5.856.000.000	6.792.823.431	6.792.825.431	113,5	116,0
I	Các khoản thu 100%	38.500.000	38.500.000	561.620.700	561.622.700	1.458,8	1.458,8
1	Phí, lệ phí	28.000.000	28.000.000	28.280.500	28.282.500	101,0	101,0
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
3	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4.500.000	4.500.000	5.000.000	5.000.000	111,1	111,1
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Thu từ các nguồn khác theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			497.100.000	497.100.000	#DIV/0!	#DIV/0!
8	Thu khác	6.000.000	6.000.000	31.240.200	31.240.200	520,7	520,7
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	165.500.000	34.000.000	17.764.586	17.764.586	10,7	52,2
i	Các khoản thu phân chia	0	0	0	0	KDIV/O!	#DIV/0!

	- Thuê sử dụng đất p^Qđilg;nghiệp6						
	- Thuê sử dụng đất nặng nghiệp thù từ hộ gia đình						
	- Lệ phí trước bạ nhà, qật^T'—Z						
2	<i>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</i>	165.500.000	34.000.000	97.233.380	17.764.586	58,8	52,2
	- Thuế ngoài quốc doanh GTGT	34.000.000	34.000.000	17.764.586	17.764.586	52,2	52,2
	- Thuế thu nhập cá nhân	31.500.000		10.587.994			
	- Tiền sử dụng đất	100.000.000		68.880.800			
	<						
III	Thu viện trợ' không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			9.931.600	9.931.600		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			184.168.685	184.168.685		
VI	Thu bổ sung từ' ngân sách cấp trên	5.783.500.000	5.783.500.000	6.019.337.860	6.019.337.860	104,1	104,1
	- Thu bổ sung cân đối	4.705.100.000	4.705.100.000	4.191.100.000	4.191.100.000	89,1	89,1
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.078.400.000	1.078.400.000	1.828.237.860	1.828.237.860	169,5	169,5

TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG				QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/D1	
		TỔNG SỐ	TRIỂN	" THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2
	TỔNG CHI	6.961.731.795	715.440.110	6.246.291.685	6.567.507.009	#####	5.852.066.899		
I	Chi đầu tư phát triển	715.440.110	715.440.110	0	715.440.110	#####	0		100,0
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	715.440.110	715.440.110		715.440.110	#####	0		100,0
2	Chi đầu tư phát triển khác	0			0				
II	Chi thường xuyên	6.246.291.685	0	6.246.291.685	5.852.066.899	0	5.852.066.899	0	
1	Chi giáo dục	0			0				
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0				
3	Chi y tế	0			0				
4	Chi văn hóa, thông tin	22.000.000		22.000.000	19.720.000		19.720.000		
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0			0				
6	Chi thể dục thể thao	15.000.000		15.000.000	11.920.000		11.920.000		
7	Chi bảo vệ môi trường	0			0				
8	Chi các hoạt động kinh tế	76.327.685		76.327.685	21.000.000		21.000.000		
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.794.964.000		5.794.964.000	5.503.692.074		5.503.692.074		
10	Chi cho công tác xã hội	165.000.000		165.000.000	161.088.000		161.088.000		
11	Chi khác	50.000.000		50.000.000	3.840.000		3.840.000		
12	Dự phòng	123.000.000		123.000.000	122.280.625		122.280.625		

13	Chi chuyển nguồn ngay^chOjyJ sang năm sau Xfr/ziSSibi fi				0				
14	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0		0	8.526.200		8.526.200		

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung		Quyết toán	Số dư	Ghi chú
I	Ngân sách Trung ương	11.946.200	3.420.000	8.526.200	-
A	Chuyển nguồn Chương trình MTQG giảm nghèo 0023 (chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021)	11.946.200	3.420.000	8.526.200	
1	Đường GTNT Nà To -Nà Do, xã Định Biên	3.148.000	2.280.000	868.000	Đã nộp trả
2	Đường GTNT Pác Máng - Đồng Rằm	8.798.200	1.140.000	7.658.200	Đã nộp trả
II	Ngân sách tỉnh				
A	Nguồn Xi măng nhà nước cấp	214.920.110	214.920.110		
1	Kênh mương nội đồng Đồng Tràng (giai đoạn 2) xóm Khau Lầu xã Định Biên	275.600	275.600		
2	Đường nội thôn Làng Quặng - Góc Sâu (giai đoạn 3), xã Định Biên	86.607.420	86.607.420		
3	Đường nội đồng Pác Máng, xã Định Biên	41.028.090	41.028.090		
4	Đường nội đồng Đồng Lóc - Đồng Điều, xã Định Biên	62.512.620	62.512.620		
5	Kênh mương nội đồng Đồng Toạng, Đồng Rằm (giai đoạn 3), xã Định Biên	24.496.380	24.496.380		
III	Ngân sách huyện				
A	Nguồn Chung sức xây dựng nông thôn mới	27.000.000	27.000.000		
1	Kênh mương nội đồng Pác Máng (Giai đoạn 2), xã Định Biên	11.000.000	11.000.000		
2	Kênh mương nội đồng Thâm Tắng, xã Định Biên	16.000.000	16.000.000		
IV	Ngân sách xã				
A	Nguồn nhân dân đóng góp XD các CT NT	470.100.000	470.100.000		
1	Đường nội đồng Đồng Soi (Nong Nĩa) xã Định Biên	94.300.000	94.300.000		
2	Đường nội đồng Đồng Hấu, xã Định Biên	47.200.000	47.200.000		
3	Đường nội đồng Đồng Tràng (Giai đoạn 2), xã Định Biên	49.500.000	49.500.000		
4	Kênh mương nội đồng Đồng Tràng (Giai đoạn 3), xã Định Biên	58.500.000	58.500.000		
5	Kênh mương nội đồng Pác Máng (Giai đoạn 2), xã Định Biên	4.000.000	4.000.000		
6	Kênh mương nội đồng Thâm Tắng, xã Định Biên	15.500.000	15.500.000		
7	Kênh mương nội đồng Đồng Tràng (GD2) xóm Khau Lầu xã Định Biên	67.400.000	67.400.000		
8	Đường GTNT Nặm Bo - Đồng Điều, xã Định Biên	60.800.000	60.800.000		
9	Đường giao thông cô Lộc - Đồng Điều xã Định Biên	72.900.000	72.900.000		
	Cộng	723.966.310	715.440.110	8.526.200	

THỰC HIỆN

Đơn vị: 1000 đồng

■ HỈ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

77 đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	-CH '	^CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	44.680.000	44.680.000	0	44.680.000	39.340.000	5.340.000
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	13.170.000	13.170.000	0	13.170.000	13.170.000	0
Quỹ vì trẻ thơ	5.730.000	5.730.000	0	5.730.000	5.730.000	0
Quỹ vì người nghèo	13.840.000	13.840.000	0	13.840.000	8.500.000	5.340.000
Quỹ nhân đạo	5.690.000	5.690.000	0	5.690.000	5.690.000	0
Quỹ xây dựng	6.250.000	6.250.000	0	6.250.000	6.250.000	0
2. Các hoạt động sự nghiệp						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

**THUYẾT MINH
BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NSNN NĂM 2021, XÃ ĐỊNH BIÊN**

I. Khái quát chung về đặc điểm tình hình của địa phương

Định Biên là xã miền núi nằm ở phía Tây Nam của huyện Định Hóa, cách trung tâm huyện 10 km; Phía Đông giáp xã Đồng Thịnh, Phía Tây giáp xã Thanh Định, Phía Nam giáp xã Bình Yên, Phía Bắc giáp xã Bảo Linh. Xã có diện tích tự nhiên 761,23ha, gồm 12 dân tộc cùng sinh sống, có 762 hộ và 3.078 khẩu, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số chiếm 81%, xã có 09 xóm. Đời sống kinh tế của người dân chủ yếu là sản xuất nông, lâm nghiệp chiếm trên 80%. Trình độ dân trí không đồng đều, mức thu nhập bình quân thấp so với mặt bằng chung của huyện.

Mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế, tài chính trong năm ngân sách của xã: tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, chấp hành nghiêm pháp luật về ngân sách, thuế, phí và lệ phí, đầu tư công; bảo đảm thu đúng, thu đủ, chi tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí ngân sách, đảm bảo chi lương, phụ cấp, các hoạt động chi thường xuyên đáp ứng các nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an ninh - trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Tích cực chuyển dịch cơ cấu giống, vật nuôi, cây trồng theo mùa vụ, tận dụng tối đa diện tích gieo cấy đảm bảo đúng thời gian mùa vụ, tăng cường các biện pháp thâm canh, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất làm tăng năng xuất lao động, mở rộng diện tích thâm canh lúa nếp vại. Đổi mới công tác quản lý và thực hiện các đề án, dự án chăn nuôi nhằm làm tăng về số lượng, chất lượng đàn gia súc, chuyển đổi phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ sang hướng chăn nuôi quy mô lớn, xây dựng các mô hình trang trại. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, bảo vệ thực vật và tăng cường công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, phòng chống cháy rừng tiếp tục thực hiện tốt các chương trình dự án phát triển nông lâm nghiệp năm 2021. Đầu tư xây dựng, sửa chữa cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi để chủ động có nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Chủ động phòng chống lụt bão, hạn hán và giảm nhẹ thiên tai do thiên nhiên gây ra.

Tập chung huy động và lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bố trí vốn để trả nợ các công trình dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Thực hiện có hiệu quả phương án huy động tối đa các nguồn lực của địa phương đối ứng, giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình giao thông nông thôn và các công trình phúc lợi cộng đồng khác.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” tạo môi trường lành mạnh nâng cao chất lượng hoạt động văn hoá, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, bài trừ các hủ tục lạc hậu và tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá thông tin ở địa phương, tích cực tuyên truyền và vận động nhân dân trong việc xây dựng, sửa chữa nhà văn hoá xóm đảm bảo theo quy định hiện hành ...

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện thông qua các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt thực hiện đúng, đủ nội dung chương trình, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo chất lượng dạy và học, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, pháp luật cho học sinh, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ quản lý giáo dục các cấp... Tập chung đầu tư về cơ sở vật chất cho giáo dục từng bước hoàn thiện hệ thống trường lớp nhằm giữ vững trường đạt danh hiệu trường chuẩn quốc gia.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số, thực hiện công khai minh bạch các thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, giảm thiểu sự trùng chéo trong công việc giữa các cấp, các ngành, rà soát, bổ sung các thủ tục hành chính và thực hiện tốt các quy trình giải quyết các thủ tục hành chính đã công khai tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư cộng đồng.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân Bảo vệ an ninh Tổ quốc, tăng cường đấu tranh truy quét các loại tội phạm, tệ nạn xã hội làm trong sạch địa bàn. Tổ chức thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ an ninh Quốc gia, phòng chống tội phạm trong tình hình mới... Giữ vững và tăng cường thế trận quốc phòng - an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội thực hiện tốt công tác quốc phòng quân sự địa phương, bảo đảm công tác giáo dục quốc phòng, huấn luyện quân sự. Phát huy nội lực thực hiện tốt công tác diễn tập trong năm.

Thực hiện tốt công tác quản lý thu chi ngân sách. Chỉ đạo điều hành chi ngân sách theo đúng Luật ngân sách Nhà nước và dự toán được giao, thực hiện tốt công tác công khai tài chính và các nguồn thu có nguồn gốc từ các khoản đóng góp của nhân dân.

II. Tình hình ngân sách và tài chính của xã:

1. Ngân sách xã:

* Đánh giá về thu ngân sách: Thu ngân sách xã thực hiện: 6.792.823.431đ/5.856.000 đg đạt 116,00 %. Gồm:

- Thu trong cân đối: 66.095.086đ/57.000.000đ đạt 91,16% Trong đó:

+ Thuế GTGT : 17.764.586/34.000.000đ đạt 52,25%

- + Phí lệ phí: 28.280.500đ/28.000.000đ đạt 101,00%
- + Lệ phí môn bài: 5.000.000đ/4.500.000đ đạt 111,11%
- + Thu khác: 6.000.000đ /15.050.000đ đạt 250,83%
- Thu tiền sử dụng đất: 68.880.800đ/100.000.000đ đạt 68,88%
- Thu tiền đối ứng xây dựng kết cấu hạ tầng: 497.100.000đ
- Thu hồi các khoản thu năm trước: 16.190.200đ
- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 4.191.100.000đ/4.705.100.000đ đạt 89,08%.
- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 1.828.237.860đ/1.828.237.860đ đạt 100%
- Thu chuyển nguồn: 9.931.600đ.
- Thu kết dư: 184.168.685đ.

Nhìn chung công tác thu ngân sách năm 2021 đều đạt tỷ lệ từ 100% trở lên, tuy nhiên có khoản thu thuế GTGT thu thấp đạt 52,25 % do 6 tháng cuối năm 2021 miễn giảm thuế do dịch bệnh covid -19 dẫn đến việc thất thu thuế GTGT.

2. Phần chi ngân sách: Thực hiện chi đúng, chi đủ đảm bảo mọi hoạt động của địa phương, chi đảm bảo theo nguyên tắc tài chính và đúng luật NSNN, thực hiện triệt để các biện pháp tiết kiệm chi, chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, chi lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản đóng góp phải nộp theo lương cho cán bộ, công chức, người lao động đảm bảo theo chế độ. Tổng chi ngân sách xã thực hiện 6.567.507.009 đ/ 6.961.731.795đ đồng, đạt 94,34% kế hoạch trong đó:

a, Chi thường xuyên: 5.852.066.899đ/6.246.291.685đ đạt 93,69% gồm:

1. Chi dân quân tự vệ: 431.043.682đ/ 493.584.000 đồng đạt 87,33%
2. Chi an ninh trật tự, an toàn xã hội: 192.102.000đ/ 195.200.000 đ đạt 98,41 %
3. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 19.720.000đ/ 22.000.000đ đạt 89,64 %
4. Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 11.920.000đ/ 15.000.000 đ đạt 79,47 %
5. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản: 21.000.000đ/ 76.327.685 đ đạt 27.51% gồm:
6. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể:
 - + Hội đồng nhân dân: 620.237.000đ/680.154.000đ đạt 91,19%
 - + Ủy ban nhân dân: 2.682.481.461đ/2.767.544.000đ đạt 96,93%
 - + Đảng cộng sản Việt Nam: 652.075.678 đ/ 658.432.000đ đạt 99,03 %
 - + Mặt Trận tổ quốc: 277.568.704 đ/ 283.406.000 đạt 97,94%
 - + Đoàn Thanh niên CSHCM: 152.165.964đ/ 164.640.000đ đạt 92,42%
 - + Hội Phụ nữ: 131.076.582đ / 176.940.000đ đạt 74,08%

- + Hội Nông dân : 133.636.644đ/142.084.000đ đạt 94,05%
- + Hội Cựu chiến binh: 174.903.384 đ/ 177.280.000 đ đạt 98,66%

7. Chi cho công tác xã hội (gồm trợ cấp hưu xã và các khoản trợ cấp xã hội): Thực hiện 215.000.000đ/164.928.000đ đạt 76,71% . Trong đó:

- + Hưu xã: 161.088.000/165.000.000đ đạt 97,63%
- + Khác: 3.840.000/50.000.000đ đạt 7,68%

8. Chi khác: 178.681.600đ/178.700.000đ đạt 99,99%

9. Chi nộp trả cấp trên: 8.526.200đ

b. Chi xây dựng cơ bản:

*** Chi đầu tư xây dựng cơ bản:**

Tổng số vốn thanh toán năm 2021: 715.440.110đ/715.440.110 đạt 100% so với kế hoạch.

2.1. Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư xây dựng cơ bản:

- Tổng số vốn được quyết toán trong năm 2021: 715.440.110đ.

3. Tình hình tăng, giảm TSCĐ: Công tác quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị luôn được chú trọng, đảm bảo thực hiện theo đúng Luật quản lý sử dụng tài sản công và quy chế sử dụng tài sản của đơn vị. Máy móc, thiết bị được sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của cơ quan; trong quá trình sử dụng máy móc, thiết bị cơ quan thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng chế độ và tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước quy định. Không cho thuê, không bị thất thoát tài sản. Thực hiện mua sắm trang bị và sử dụng tài sản tại các phòng làm việc thực hiện đúng theo Quyết định số 50/2017QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Trong năm 2021 đơn vị đã mua sắm 01 máy tính xách tay trang bị cho chức danh chủ tịch UBND xã và 01 máy scan phục vụ tại bộ phận một cửa.

Trên đây là thuyết minh quyết toán NSNN năm 2021 của UBND xã Định Biên.

Định Biên, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch UBND xã



Ma Thịnh Giáp